

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÁCH NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nắm được hai cách nối các vế trong câu ghép : nối bằng từ có tác dụng nối (các quan hệ từ), nối trực tiếp (không dùng từ nối).

2. Phân tích được cấu tạo của câu ghép (các vế câu trong câu ghép, cách nối các vế câu ghép), biết đặt câu ghép.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

– *Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập hai* (nếu có).

- Bút dạ và 4 tờ giấy khổ to, mỗi tờ viết 1 câu ghép trong BT1 (phần Nhận xét).
- Ba, bốn tờ giấy khổ to để 3 – 4 HS làm BT2 (phần Luyện tập).

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

HS nhắc lại kiến thức cần ghi nhớ về câu ghép trong tiết LTVC trước và làm miệng BT3 (phần Luyện tập).

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài

Tiết học trước đã giúp các em biết câu ghép là câu do nhiều vế câu ghép lại. Tiết học hôm nay giúp các em hiểu các vế câu ghép được nối với nhau bằng những cách nào.

2. Phần Nhận xét

- Hai HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của BT1, 2. Cả lớp theo dõi trong SGK.
- HS đọc lại các câu văn, đoạn văn, dùng bút chì gạch chéo để phân tách 2 vế câu ghép ; gạch dưới những từ và dấu câu ở ranh giới giữa các vế câu.
- GV dán giấy đã viết sẵn 4 câu ghép, mời 4 HS lên bảng, mỗi em phân tích 1 câu. Cả lớp và GV nhận xét, bổ sung, chốt lại lời giải đúng :

Các vế câu	Ranh giới giữa các vế câu
a) Đoạn này có 2 câu ghép, mỗi câu gồm 2 vế : – Câu 1 : <i>Súng kíp của ta mới bắn một phát / <u>thì</u> súng của họ đã bắn được năm, sáu mươi phát.</i> – Câu 2 : <i>Quan ta lay súng thần công bốn lay rồi mới bắn, / trong khi ấy đại bác của họ đã bắn được hai mươi viên.</i>	– Từ <u>thì</u> đánh dấu ranh giới giữa 2 vế câu. – <u>Dấu phẩy</u> đánh dấu ranh giới giữa 2 vế câu.
b) Câu này có 2 vế : <i>Cảnh vật xung quanh tôi đang có sự thay đổi lớn : / hôm nay tôi đi học.</i>	– <u>Dấu hai chấm</u> đánh dấu ranh giới giữa 2 vế câu.
c) Câu này có 3 vế : <i>Kia là những mái nhà đứng sau lũy tre ; / đây là mái đình cong cong ; / kia nữa là sân phơi.</i>	– <u>Các dấu chấm phẩy</u> đánh dấu ranh giới giữa 3 vế câu.

– GV hỏi : *Từ kết quả phân tích trên, các em thấy các vế của câu ghép được nối với nhau theo mấy cách ?* (Hai cách : dùng từ có tác dụng nối ; dùng dấu câu để nối trực tiếp.)

3. Phần Ghi nhớ

- Ba, bốn HS đọc nội dung *Ghi nhớ* trong SGK.
- Một, hai HS xung phong nhắc lại nội dung *Ghi nhớ* (không nhìn SGK).

4. Phần Luyện tập

Bài tập 1

- Hai HS tiếp nối nhau đọc yêu cầu của BT1.
- Cả lớp đọc thầm lại các câu văn, tự làm bài.
- Nhiều HS phát biểu ý kiến. Cả lớp và GV nhận xét, chốt lại lời giải đúng :

Các câu ghép và vế câu

+ Đoạn a có 1 câu ghép, với 4 vế câu :

Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng (2 trạng ngữ) thì tinh thần ấy lại sôi nổi, / nó kết thành... to lớn, / nó lướt qua... khó khăn, / nó nhấn chìm... lũ cướp nước.

+ Đoạn b có 1 câu ghép với 3 vế câu :

Nó nghiêng răng ken két, / nó cường lại anh, / nó không chịu khuất phục.

+ Đoạn c có 1 câu ghép với 3 vế câu :

Chiếc lá thoáng tròn thành , / chú nhái bén loay hoay cố giữ thăng bằng / rồi chiếc thuyền đồ thám lặn lẽ xuôi dòng.

Cách nối các vế câu

- 4 vế câu nối với nhau trực tiếp, giữa các vế có dấu phẩy. (Từ **thì** nối trạng ngữ với các vế câu.)
- 3 vế câu nối với nhau trực tiếp, giữa các vế có dấu phẩy.
- Vế 1 và 2 nối nhau trực tiếp, giữa 2 vế có dấu phẩy. Vế 2 nối với vế 3 bằng quan hệ từ **rồi**.

Bài tập 2

- HS đọc yêu cầu của bài.
- GV nhắc HS chú ý : Đoạn văn (từ 3 đến 5 câu) tả ngoại hình một người bạn, phải có ít nhất 1 câu ghép. Các em hãy viết đoạn văn một cách tự nhiên ; sau đó kiểm tra, nếu thấy trong đoạn chưa có câu ghép thì sửa lại.

- GV mời 1 – 2 HS làm mẫu. VD :

+ Bích Vân là bạn thân nhất của em. Tháng 2 vừa rồi, bạn tròn 11 tuổi. Bạn thật xinh xắn và dễ thương. Vóc người bạn thanh mảnh, / dáng đi nhanh nhẹn, / mái tóc cắt ngắn gọn gàng. ...
→ Câu 4 (in đậm) là 1 câu ghép, gồm 3 vế. Các vế nối với nhau trực tiếp, giữa các vế có dấu phẩy.

+ Em muốn kể về bạn học sinh giỏi nhất lớp. Bạn tên là Dũng, thấp bé nhất lớp. Vì Dũng thấp bé nhất lớp / nên bạn luôn ngồi bàn đầu, xếp hàng đầu. ... → Câu 3 (in đậm) là câu ghép gồm 2 vế, các vế nối với nhau bằng cặp quan hệ từ **vì ... nên...**

- HS viết đoạn văn. GV phát giấy khổ to cho 3 – 4 HS.

- Nhiều HS tiếp nối nhau đọc đoạn văn. GV mời những HS làm bài trên giấy dán bài lên bảng lớp, trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

5. Củng cố, dặn dò

- HS nhắc lại nội dung cần ghi nhớ về cách nối các vế câu ghép.
- GV nhận xét tiết học. Dặn những HS viết đoạn văn (BT2, phần Luyện tập) chưa đạt về nhà viết lại.